

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên  
Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 22

# Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### **CÔNG TY**

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là một Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **CHỦ TỊCH CÔNG TY**

Chủ tịch Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Takashi Fujii.

### **TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Châu Danh.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ là Ông Takashi Fujii, Chủ tịch công ty.

Vào ngày 01 tháng 7 năm 2014, Chủ tịch Công ty ban hành Công văn số 20/CM/DFVN14, theo đó, ông Trần Châu Danh, Tổng Giám đốc được chỉ định báo cáo các vấn đề thường xuyên theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Ông Trần Châu Danh là người đại diện theo pháp luật theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 07 năm 2015 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp kể từ ngày 14 tháng 07 năm 2015.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 7 năm 2015





**Building a better  
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited  
28th Floor, Bitexco Financial Tower  
2 Hai Trieu Street, District 1  
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252  
Fax: +84 8 3824 5250  
ey.com

Số tham chiếu: 61147610/17849393-SX

## **BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Chủ sở hữu của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 24 tháng 7 năm 2015 và được trình bày từ trang 4 đến trang 22, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 3.5 trong báo cáo tài chính giữa niên độ về việc Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014, do đó, kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là kỳ kế toán giữa niên độ đầu tiên của Công ty. Vì thế, số liệu trên các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2014 được sử dụng làm số đầu kỳ và được trình bày trên các báo cáo tài chính giữa niên độ cho mục đích so sánh.



**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Saman Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2013-004-1

Võ Ngọc Thúy An  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2222-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 7 năm 2015

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTQ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>16.694.276.084</b>	<b>16.292.025.916</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>1.324.314.326</b>	<b>454.521.776</b>
111	1. Tiền		1.324.314.326	454.521.776
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>12.300.000.000</b>	<b>12.300.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn khác	6	12.300.000.000	12.300.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.795.045.969</b>	<b>3.537.504.140</b>
131	1. Phải thu khách hàng	7	1.217.944.443	713.945.832
132	2. Trả trước cho người bán		27.090.000	-
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	8	1.550.011.526	2.823.558.308
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>274.915.789</b>	<b>-</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		91.915.789	-
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		183.000.000	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>16.546.723.967</b>	<b>13.281.959.540</b>
<b>250</b>	<b>I. Các khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>15.300.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>
258	1. Đầu tư dài hạn khác	9	15.300.000.000	13.000.000.000
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.246.723.967</b>	<b>281.959.540</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		111.288.793	253.524.366
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		28.435.174	28.435.174
268	3. Tài sản dài hạn khác	10	1.107.000.000	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>33.241.000.051</b>	<b>29.573.985.456</b>
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.683.915.936</b>	<b>1.954.998.699</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.683.915.936</b>	<b>1.954.998.699</b>
314	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	649.768.604	746.327.940
316	2. Chi phí phải trả	12	1.030.646.938	1.126.601.868
319	3. Các khoản phải trả, phải nộp khác		3.500.394	82.068.891
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>31.557.084.115</b>	<b>27.618.986.757</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13	25.000.000.000	25.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		129.527.579	129.527.579
419	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		129.527.579	129.527.579
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		6.298.028.957	2.359.931.599
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>33.241.000.051</b>	<b>29.573.985.456</b>

# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

B01a-CTQ

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>030</b>	<b>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>3.938.466.829</b>	-
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	3.938.466.829	-
<b>040</b>	<b>Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác</b>	<b>104.478.861.867</b>	-
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	104.478.861.867	-

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán

Ông Eiichi Ohira  
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2015



# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

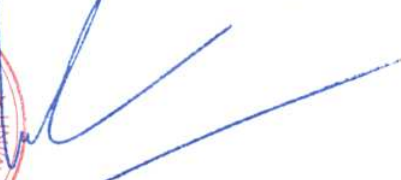
B02a-CTQ

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014
01	1. Doanh thu	14	9.302.314.427	8.312.494.299
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		9.302.314.427	8.312.494.299
21	3. Doanh thu hoạt động tài chính	15	880.919.868	1.097.002.833
25	4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	(5.142.665.626)	(6.109.736.207)
30	5. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		5.040.568.669	3.299.760.925
31	6. Thu nhập khác		11.695.309	-
32	7. Chi phí khác		(7.517.287)	-
40	8. Lợi nhuận khác		4.178.022	-
50	9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.044.746.691	3.299.760.925
51	10. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.1	(1.106.649.333)	(709.209.342)
52	11. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	17.2	-	28.435.174
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.938.097.358	2.618.986.757

  
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán

  
Ông Eiichi Ohira  
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

  
Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc



Ngày 24 tháng 7 năm 2015



Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

B03a-CTQ

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>5.044.746.691</b>	<b>3.299.760.925</b>
05	<i>Điều chỉnh:</i> 1. Lãi từ hoạt động đầu tư		(880.919.868)	(1.097.002.833)
	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động</b>		<b>4.163.826.823</b>	<b>2.202.758.092</b>
09	1. Giảm/(tăng) các khoản phải thu		1.246.456.782	(2.823.558.308)
11	2. (Tăng)/giảm các khoản phải trả		(171.717.693)	1.245.789.357
12	3. Giảm/(tăng) chi phí trả trước		50.319.784	(253.524.366)
14	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17.1	(1.206.014.403)	-
16	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.290.000.000)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>2.792.871.293</b>	<b>371.464.775</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền gửi ngân hàng		(14.600.000.000)	(25.300.000.000)
24	2. Tiền thu khi đáo hạn hợp đồng tiền gửi ngân hàng		12.300.000.000	-
27	3. Lãi tiền gửi thu được		376.921.257	383.057.001
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.923.078.743)</b>	<b>(24.916.942.999)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	25.000.000.000
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>25.000.000.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>869.792.550</b>	<b>454.521.776</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>454.521.776</b>	<b>-</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>1.324.314.326</b>	<b>454.521.776</b>

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
Kế toán

Ông Eiichi Ohira  
Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2015

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐO  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTQ

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm) trong kỳ				Số cuối kỳ	
		Ngày 1 tháng 7 năm 2014	Ngày 1 tháng 1 năm 2015	Cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng sáu năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư chủ sở hữu	13	-	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000	
2. Lợi nhuận chưa phân phối		-	2.359.931.599	2.618.986.757	(259.055.158)	-	2.359.931.599	6.298.028.957	
3. Quỹ dự phòng tài chính		-	129.527.579	129.527.579	-	-	129.527.579	129.527.579	
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	129.527.579	129.527.579	-	-	129.527.579	129.527.579	
<b>TỔNG CỘNG</b>		-	<b>27.878.041.915</b>	<b>27.878.041.915</b>	<b>(259.055.158)</b>	<b>3.938.097.358</b>	<b>27.618.986.757</b>	<b>31.557.084.115</b>	

*Wz*

Bà Nguyễn Thị Thùy Linh  
 Kế toán

*gohis*

Ông Eichichi Ohira  
 Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ



Ông Trần Châu Danh  
 Tổng Giám đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2015



# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam ("Công ty") là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Quyết định số 53/GP-UBCK ngày 10 tháng 2 năm 2014 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam ("DLVN"), là một Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 149 - 151 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 11, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 9 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 8 người).

## 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6 theo quy định của Thông tư số 212/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 5 tháng 12 năm 2012.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ.

### 3.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);



# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng* (tiếp theo)

- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam..

### 3.3 *Cơ sở hoạt động liên tục*

Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đánh giá khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và nhận thấy Công ty có đủ các nguồn lực để duy trì hoạt động kinh doanh trong một tương lai xác định. Ngoài ra, Tổng Giám đốc không nhận thấy có sự không chắc chắn trọng yếu nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

### 3.4 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký sổ cái.

### 3.5 *Thông tin so sánh*

Công ty bắt đầu hoạt động từ ngày 1 tháng 7 năm 2014, do đó, kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là kỳ kế toán giữa niên độ đầu tiên của Công ty. Vì thế, số liệu trên các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2014 được sử dụng làm số dư đầu kỳ và được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ cho mục đích so sánh.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 4.2 *Các chuẩn mực và quy định đã có hiệu lực nhưng chưa được áp dụng*

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tuy nhiên, theo Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành, các doanh nghiệp khi chuẩn bị báo cáo tài chính giữa niên độ (báo cáo tài chính hàng quý và báo cáo tài chính bán niên) có thể lựa chọn áp dụng Quyết định 15 hoặc Thông tư 200 để chuẩn bị báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2015.

Công ty hiện đang xem xét các tác động của Thông tư 200 khi áp dụng để lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.



**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ. Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 228. Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

**4.5 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

**4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.8 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Phí quản lý*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**4.9 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.



**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**4.9 Thuế (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4.10 Công cụ tài chính**

*Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận lần đầu*

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 4.10 Công cụ tài chính (tiếp theo)

#### Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 4.11 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi thanh toán gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần.

## 6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn 12 tháng và lãi suất từ 6,0%/năm.

## 7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Phải thu khác bao gồm các khoản lãi tiền gửi phải thu phát sinh từ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

## 8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu phí quản lý danh mục từ Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Thuyết minh số 18)	1.484.194.321	2.823.558.308
Phải thu phí quản lý quỹ thành viên	65.817.205	-
	<u>1.550.011.526</u>	<u>2.823.558.308</u>

## 9. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác bao gồm tiền gửi dài hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 12 đến 13 tháng và lãi suất từ 6,0% đến 7,0%/năm.



# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác bao gồm khoản ứng trước tiền lương cho người lao động.

## 11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	609.844.272	709.209.342
Thuế thu nhập cá nhân	39.924.332	37.118.598
	<b>649.768.604</b>	<b>746.327.940</b>

## 12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Chi phí thưởng cho nhân viên	695.246.000	984.426.000
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	127.147.143	141.000.000
Chi phí phải trả khác	208.253.795	1.175.868
	<b>1.030.646.938</b>	<b>1.126.601.868</b>

## 13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	VNĐ		
	Theo Quyết định số 53/GP-UBCK	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn pháp định đã góp
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam	25.000.000.000	100	25.000.000.000

## 14. DOANH THU

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phí quản lý danh mục từ Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Thuyết minh số 18)	8.935.117.522	8.312.494.299
Phí quản lý quỹ thành viên	367.196.905	-
	<b>9.302.314.427</b>	<b>8.312.494.299</b>



# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 15. THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Thu nhập từ hoạt động tài chính thể hiện thu nhập tiền lãi từ tiền gửi một ngân hàng thương mại cổ phần.

## 16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Lương và các chi phí theo lương	3.407.652.590	3.305.749.967
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	933.821.791	717.249.055
Công cụ dụng cụ & văn phòng phẩm	392.306.310	270.474.133
Chi phí công tác	229.099.455	205.717.240
Thuế và phí khác	3.000.000	32.300.000
Chi phí trước hoạt động	-	1.561.600.072
Chi phí khác	176.785.480	16.645.740
	<b><u>5.142.665.626</u></b>	<b><u>6.109.736.207</u></b>

## 17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 22% lợi nhuận tính thuế trong kỳ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### Chi phí thuế TNDN bao gồm:

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.106.649.333	709.209.342
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	(28.435.174)
	<b><u>1.106.649.333</u></b>	<b><u>680.774.168</u></b>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 17. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

### 17.1 Thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>5.044.746.691</b>	<b>3.299.760.925</b>
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí trích trước	-	142.175.868
Chi phí không được khấu trừ	-	104.109.918
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>5.044.746.691</b>	<b>3.546.046.711</b>
<b>Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>1.109.844.272</b>	<b>709.209.342</b>
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của kỳ trước	(3.194.939)	-
<b>Tổng thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành</b>	<b>1.106.649.333</b>	<b>709.209.342</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	709.209.342	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	1.206.014.403	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>609.844.272</b>	<b>709.209.342</b>

### 17.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	VNĐ Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chi phí trả trước	28.435.174	28.435.174	-	28.435.174
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>			-	28.435.174

## 18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Số tiền
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Thuyết minh số 12)	Công ty mẹ	Thu nhập phí quản lý	8.935.117.522



# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 18. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VNĐ
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Thuyết minh số 5)	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý	1.484.194.321

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VNĐ
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu
Công ty TNHH Bảo Hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam (Thuyết minh số 5)	Công ty mẹ	Phải thu phí quản lý	2.823.558.308

## 19. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Dưới 1 năm	408.000.000	408.000.000
Từ 1 đến 5 năm	544.000.000	748.000.000
	<b>952.000.000</b>	<b>1.156.000.000</b>

## 20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 20.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

**20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**20.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

**20.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**20.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



## Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

B09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 20. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 20.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 3 tháng	Từ 3 tháng đến 12 tháng	Tổng cộng
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	1.324.314.326	-	-	1.324.314.326
Đầu tư ngắn hạn khác	-	-	12.300.000.000	12.300.000.000
Phải thu khách hàng	-	836.694.443	381.250.000	1.217.944.443
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	1.550.011.526	-	-	1.550.011.526
Đầu tư dài hạn khác	-	13.000.000.000	2.300.000.000	15.300.000.000
	<b>2.874.325.852</b>	<b>13.836.694.443</b>	<b>14.981.250.000</b>	<b>31.692.270.295</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Chi phí phải trả	208.253.795	-	127.147.143	335.400.938
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.500.394	-	-	3.500.394
	<b>211.754.189</b>	<b>-</b>	<b>127.147.143</b>	<b>338.901.332</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>				
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền	454.521.776	-	-	454.521.776
Đầu tư ngắn hạn khác	-	10.300.000.000	2.000.000.000	12.300.000.000
Phải thu khách hàng	-	309.445.833	404.499.999	713.945.832
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	2.823.558.308	-	-	2.823.558.308
Đầu tư dài hạn khác	-	-	13.000.000.000	13.000.000.000
	<b>3.278.080.084</b>	<b>10.609.445.833</b>	<b>15.404.499.999</b>	<b>29.292.025.916</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Chi phí phải trả	1.175.868	-	141.000.000	142.175.868
Các khoản phải trả, phải nộp khác	82.068.891	-	-	82.068.891
	<b>83.244.759</b>	<b>-</b>	<b>141.000.000</b>	<b>224.244.759</b>

## Công ty TNHH MTV Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

### 21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Tiền	1.324.314.326	454.521.776	1.324.314.326	454.521.776	
Đầu tư ngắn hạn khác	12.300.000.000	12.300.000.000	12.300.000.000	12.300.000.000	
Phải thu khách hàng	1.217.944.443	713.945.832	1.217.944.443	713.945.832	
Phải thu từ hoạt động nghiệp vụ	1.550.011.526	2.823.558.308	1.550.011.526	2.823.558.308	
Đầu tư dài hạn khác	15.300.000.000	13.000.000.000	(*)	(*)	
	<b>31.692.270.295</b>	<b>29.292.025.916</b>			
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Chi phí phải trả	335.400.938	142.175.868	335.400.938	142.175.868	
Các khoản phải trả khác	3.500.394	82.068.891	3.500.394	82.068.891	
	<b>338.901.332</b>	<b>224.244.759</b>	<b>338.901.332</b>	<b>224.244.759</b>	

(\*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không thể xác định được do hiện nay chưa có các hướng dẫn và qui định cụ thể của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam về xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, khoản phải trả khác và chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.



# Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Dai-ichi Life Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

## 22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của Công ty.



Bà Nguyễn Thị Thuỳ Linh  
Kế toán



Ông Eiichi Ohira  
Trưởng bộ phận Kiểm soát  
nội bộ



Ông Trần Châu Danh  
Tổng Giám Đốc

Ngày 24 tháng 7 năm 2015